**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐỨC LINH**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2019
V/v: Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Minh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mến
2. Ông Hà Văn Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc: Không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Số nhà M đường số B1, tổ C, thôn B2, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Số nhà M đường số B1, tổ C, thôn B2, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn D có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống,

giữa bà N và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế gia đình, tính tình không hòa hợp, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vả. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông D, nên yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông D.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân đúng như lời của bà N trình bày. Ông D thừa nhận giữa ông và bà N có mâu thuẫn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, đến thời điểm hiện tại bà N không còn chung sống với ông nữa. Vì vậy, ông D đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tranh chấp quyền nuôi con vì 04 người con chung đều đã trưởng thành.

Nguyên đơn không yêu cầu tranh chấp tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa ông D đề nghị chia tài sản chung, nhưng từ khi thụ lý cho đến nay vẫn không có đơn phản tố nộp cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, Tòa án xác định đây là vụ án: Không công nhận là vợ chồng.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Giữa bà N và ông D tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1988, tuy nhiên đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, bà N và ông D không còn chung sống hạnh phúc, đôi bên đều thừa nhận có mâu thuẫn, tình cảm không thể hàn gắn được nữa. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc, cố gắng tác động để bà N và ông D hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn D.

[4] Về yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn D tại phiên tòa, xét thấy đây là một quan hệ tranh chấp chưa được Tòa án thụ lý, bản thân ông D cũng không có đơn

phản tố yêu cầu vấn đề này trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, ông D có quyền khởi kiện tranh chấp về tài sản chung bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0025061 ngày 04/01/2019. Bà N đã nộp đủ án phí.

3.Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (13/3/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận:*
*-TAND tỉnh;*
*-VKSND huyện;*
*-CCTHADS huyện;*
*-Đương sự;*
*-Lưu./*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Minh Tuấn**